TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **43**/2018/HSST
Ngày: 31/5/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hồ Viết Trung**

Ông Phạm Văn Khuyến

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Chu Ngọc Phú** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Bà Lê Thị Tâm -** Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ L số: 49/2018/HSST ngày 03 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Thị L**, sinh năm 1987 tại Bình Phước; HKTT: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Trương Công U, sinh năm 1961 và bà Trần Thị La, sinh năm 1968; Chồng là Nguyễn Vũ Cường, sinh năm 1985 và có 01 người con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:**

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ông Trương Công U, sinh năm 1961 (Có mặt)

Trú tại: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước

Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Trú tại: Kp P, phường T, thị xã Đ, Bình Phước

Bà Vương Thị L, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ 4, khu 3, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 29/12/2017, Nguyễn Thị T là chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam huyện P (viết tắt là Hội) bỏ 2.000.000đ vào trong phong bì và dán lại để trong nắp hộp giấy cactong (nắp hộp dùng đựng giấy A4) trên bàn làm việc của Hội dự định trưa ngày 29/12/2017 đi thăm người thân đang điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước. Khoảng 10 giờ 25 phút ngày 29/12/2017, Trương Thị L là Phó bí thư huyện đoàn P đi vào phòng làm việc của Hội để phô tô tài liệu. Khi L đang phô tô tài liệu thì có người điện thoại vào số điện thoại của T nên T đi ra khỏi phòng làm việc nghe điện thoại. Lúc này tại phòng làm việc chỉ có L, L nhìn thấy chiếc phong bì bên trong có tiền (do phong bì làm bằng loại giấy mỏng nên có thể nhìn thấy), L nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền nên L dấu phong bì tiền vào trong xấp tài liệu vừa phô tô xong và rời khỏi phòng làm việc của Hội. Sau khi nghe điện thoại xong, T trở vào phòng làm việc thì phát hiện phong bì có tiền để trên bàn bị mất, T nghi vấn L lấy trộm số tiền của mình nên đã làm đơn trình báo đến cơ quan công an.

Qua làm việc L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra, công an huyện Phú Riềng chiếc ví cầm tay màu đen chứa phong bì lấy trộm của T trong đó có số tiền 2.000.000đ. Ngoài ra L khai nhận trước đó, trong khoảng thời gian từ đầu năm 2017 đến cuối tháng 12/2017, L lấy trộm thêm 04 lần cũng tại phòng làm việc của Hội, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào một ngày đầu năm 2017 (không nhớ ngày, tháng), L qua phòng làm việc của Hội chơi nhưng không có ai ở trong phòng, lúc này L nhìn thấy trên ghế ngồi làm việc của bà T để một túi xách màu xanh. Do biết đó là túi xách của T thường sử dụng để mỹ phẩm trang điểm và tiền nên L đã tự ý mở túi xách của T để lấy cây son và một số tiền bỏ vào túi quần của mình đang mặc rồi rời khỏi phòng làm việc của Hội. Sau khi về nhà, L đem số tiền ra đếm thì xác định được khoảng 2.000.000đ.

- Lần thứ hai: Khoảng tháng 5/2017, (không nhớ rõ ngày) L qua phòng làm việc của Hội chơi nhưng không có ai ở trong phòng, lúc này L nhìn thấy túi xách của bà Nguyễn Thị Thúy H là cán bộ Hội (hiện đang giữ chức vụ Phó chủ tịch kiêm thủ quỹ) để trên bàn làm việc nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong túi xách của H nên L đã kéo dây khóa túi xách và lấy toàn bộ số tiền trong túi xách khoảng 50.000đ

- Lần thứ ba: Cũng trong năm 2017 (không nhớ rõ ngày, khoảng tháng 7/2017), L qua phòng làm việc của Hội chơi nhưng không có ai tại phòng. L thấy cái ví màu nâu của H để trên bàn làm việc nên mở dây kéo của ví lấy ở trong ví số tiền khoảng 100.000đ.

- Lần thứ tư: Khoảng cuối tháng 11/2017 (không nhớ rõ ngày), L qua phòng làm việc của Hội chơi nhưng không có ai tại phòng, L thấy có một phong bì màu trắng đựng tiền để trên bàn làm việc, đoán trong phong bì có tiền nên L cầm lấy và bỏ vào túi quần mình đang mặc và đi về phòng làm việc của mình. Sau đó L mở phong bì ra thì thấy có số tiền 300.000đ.

Qúa trình điều tra, L khai nhận số tiền chiếm đoạt ở các lần 1,2,3 và 4 đã sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài T bị mất tiền thì trong khoảng thời gian trên tại phòng làm việc của Hội còn có những người bị mất tiền, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị Thúy H khai nhận bị mất 03 lần tiền:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 27/4/2017, H nhận số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) từ nguồn vốn quỹ tình thương của các xã đến nộp, H cột số tiền này thành hai cọc (một cọc 20.000.000đ và một cọc 50.000.000đ) sau đó bỏ trong một túi ni long (dạng túi xách) màu đồng và cất số tiền này trong học tủ tại phòng làm việc (học tủ không có ổ khóa). Trong thời gian nghỉ lễ 30/4 và 01/5 xong đến ngày 02/5/2017, H lên cơ quan làm việc đồng thời lấy số tiền nói trên để đến nộp cho Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam tỉnh Bình Phước thì phát hiện bị mất 20.000.000đ.

- Lần thứ hai: Khoảng ngày 01/6/2017, H cất số tiền 32.000.000đ tiền quỹ của cơ quan vào trong két sắt của Hội ít ngày sau H mở két sắt lấy tiền thì phát hiện bị mất 14.000.000đ.

- Lần thứ ba: Vào ngày 8/12/2017, Lê Thị S là chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã L có gửi cho H 01 bì thư bên trong đựng 300.000đ để nhờ H đi thăm người thân sinh con, H để phong bì đựng tiền trên bàn làm việc thì bị mất.

Bà Vương Thị L là chuyên viên Hội (trong thời gian này bà L làm thủ quỹ) bị mất 03 lần:

- Lần thứ nhất: Khoảng tháng 7/2016, bà L mở két sắt ra lấy tiền để nộp cho Hội thì phát hiện trong két sắt bị mất 34.000.000đ (Ba mươi bốn triệu đồng), sau khi bị mất tiền thì bà L kiểm tra thì phát hiện 01 chìa khóa két sắt (chìa khóa dự phòng) bỏ trong túi xách đã bị mất.

- Lần thứ hai: Vào ngày 26/8/2016, L có nhận một khoản tiền quỹ tình thương từ các xã nộp về là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) sau đó L cất số tiền này vào két sắt nhưng quên không xóa mã khóa. Đến ngày hôm sau L đến phòng làm việc mở két sắt kiểm tra thì bị mất 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

- Lần thứ ba: Ngày 6/9/2016, Hội chia tiền học bổng cho các em học sinh nghèo ở các trường cấp I, II và III trên địa bàn huyện do các ban ngành, đoàn thể trao tặng tại lễ khai giảng, có một phần quà của một học sinh ở xã B (do học sinh này học tại TX P) nên chưa trao được, L đã bỏ số tiền quà 1.500.000đ vào trong bì thư và bỏ trong học tủ bàn làm việc của mình để trao quà sau (học tủ bàn không có khóa). Đến khoảng tháng 10/2016, L lấy phong bì tiền ra giao cho xã thì phát hiện bị mất.

Qua làm việc bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Thúy H và Vương Thị L trình bày những lần mất tiền ở két sắt thì két sắt vẫn khóa, không có dấu hiệu tác động của con người như cạy, đục, phá.

Tại Công văn trả lời số 02/HĐĐG ngày 05/03/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Riềng kết luận: 01 thỏi son dưỡng, nhãn hiệu Dior, vỏ màu xanh, son màu cam nhạt dạng sáp đã qua sử dụng bị chiếm đoạt tháng 3/2017 không thể xác định được giá trị còn lại của tài sản. Do đó Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự không có căn cứ để xác định giá trị của tài sản.

Tại bản Cáo trạng số 29/CTr-VKS ngày 02/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như trên và bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong phần luận tội, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 60 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trương Thị L mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Ngoài ra còn đề nghị xử L về vật chứng và trách nhiệm dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát Viên , bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó đã xác định được: Do mục đích tư lợi cá nhân, vào khoảng 10 giờ 25 phút, ngày 29/12/2017, Trương Thị L đã lợi dụng sơ hở của người bị hại, lén lút chiếm đoạt một phong bì thư trong đó có 2.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị T tại phòng làm việc của Hội phụ nữ huyện P.

[3] Hành vi trên của bị cáo đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, hoang mang trong quần chúng nhân dân nơi bị cáo thực hiện việc phạm tội. Bị cáo lợi dụng sơ hở của người bị hại để thực hiện hành vi chiếm đoạt. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương x ứng để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo chưa có tiền án,

tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản phạm tội có giá trị không lớn và đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; bố của bị cáo được Chủ tịch nước tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang, Bộ trưởng Bộ quốc phòng tặng thưởng Bằng khen năm 1983. Ngoài ra, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, trong quá trình học tập và công tác bị cáo được tặng thưởng nhiều giấy khen, đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ cở vào năm 2016. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà chỉ cần tuyên hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo, giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú quản L tạo điều kiện cho bị cáo tự giáo dục bản thân trở thành công dân tốt cho xã hội là phù hợp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Phú Riềng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xử L vật chứng:

Đối với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) bỏ trong phong bì mà Trương Thị L chiếm đoạt tại bàn làm việc của Hội là số tiền thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị T. Ngày 15/01/2018, Cơ quan Điều tra Công an huyện Phú Riềng ra quyết định xử L vật chứng trả lại số tiền trên cho bà T nên HĐXX không xem xét.

Đối với 01 cái bóp cầm tay của nữ màu đen là công cụ mà Trương Thị L dùng để cất số tiền 2.000.000đ chiếm đoạt của bà T ngày 29/12/2017. L không yêu cầu nhận lại và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 quần tây nữ màu đen, 01 áo sơ mi nữ ngắn tay, ống tay áo bên trái có ghi lô gô chữ "T niên Việt Nam" là tài sản của bị cáo cần trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 2.450.000đ mà ông Trương Công U (bố ruột bị cáo L) bỏ ra bồi thường những lần bị cáo khai nhận lấy trộm của chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị Thúy H. Bị cáo tự khai trước hành vi phạm tội ngày 29/12/2017, bị cáo đã thực hiện 4 lần trộm cắp tài sản của chị H và chị T, bị cáo tự nguyện bồi thường cho chị T 2.000.000 đồng, bồi thường cho chị H 450.000 đồng. Tại cơ quan điều tra, chị T và chị H đồng ý nhận số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và chị T, chị H.

Tại phiên tòa, ông Trương Công U không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 2.450.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trương Thị L** phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 60 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trương Thị L 06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **12** (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Riềng nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo: Bồi thường cho chị Nguyễn Thị T số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) và bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Số tiền này hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 011532 ngày 24/4/2018.

2. Về xử L vật chứng:

Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu tiêu hủy đối với 01 cái bóp cầm tay của nữ màu đen

Tuyên trả 01 quần tây nữ màu đen, 01 áo sơ mi nữ ngắn tay, ống tay áo bên trái có ghi lô gô chữ "Thanh niên Việt Nam" cho Trương Thị L.

(Tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 011532 ngày 24/4/2018 giữa Công an huyện Phú Riềng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng).

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết án phí, lệ phí: Buộc bị cáo Trương Thị L phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Phú Riềng;*
- *Chi cục THADS huyện Phú Riềng;*
- *CA huyện Phú Riềng;*
- *UBND xã;*
- *Bị cáo;Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Hải